TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Như

Bà Phan Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã P, huyện H, Bình Phước

- Bị đơn: Anh Điểu U, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã P, huyện H, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị L trình bày:

Chị L và anh Điểu U sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 2013. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh U thường nói xấu vợ và gia đình nhà vợ khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị L thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Điểu U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh U có 04 con chung tên là Điểu B, sinh ngày 21/10/2012; Thị Ngọc H, sinh ngày 29/7/2014; Điểu lâm V, sinh ngày 30/01/2018 và Điểu H, sinh ngày 25/9/2021. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung và yêu cầu anhUphải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 500.000đ/con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Điểu U vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của anh U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị L và anh U, giao 04 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anhUphải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anhUcư trú tại xã Phước An, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

AnhUvà chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt. chị L có đơn xin vắng mắt. anhUvắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh U và chị L theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: chị L và anhUkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Đây

là hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Theo chị L thì do anhUkhông tôn trọng vợ, thường nói xấu vợ cùng gia đình vợ khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này, nhất quyết ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh ngày 03/3/2023 thì hiện nay chị L và anh U đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn nhưng anhUkhông thể hiện muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên không cần thiết kéo dài quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Yêu cầu của chị L về ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anhUcó 04 con chung tên là Điểu B, sinh ngày 21/10/2012; Thị Ngọc H, sinh ngày 29/7/2014; Điểu lâm V, sinh ngày 30/01/2018 và Điểu H, sinh ngày 25/9/2021. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả 04 con chung. Xét thấy cả 04 con chung hiện nay đang do chị L chăm sóc, các cháu Hoa và cháu Bình đều có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ, anh U không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con chung vì vậy cần chấp nhận yêu cầu này của chị L, giao 04 ccon chung cho chị L nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anhUphải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ/1 con. Xét thấy mức cấp dưỡng mà chị L yêu cầu là không cao so với thu nhập cũng như mức sống bình quân hiện nay. Vì vậy cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anhUphải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị L và anh Điểu U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013 ngày 29/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 04 con chung tên là Điểu B, sinh ngày 21/10/2012; Thị Ngọc H, sinh ngày 29/7/2014; Điểu lâm V, sinh ngày 30/01/2018 và Điểu H, sinh ngày 25/9/2021 cho chị Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Điểu U phải cấp dưỡng nuôi các cháu Điểu B, sinh ngày 21/10/2012; Thị Ngọc H, sinh ngày 29/7/2014; Điểu lâm V, sinh ngày 30/01/2018 và Điểu H, sinh ngày 25/9/2021 mỗi tháng 500.000đ/con (năm trăm nghìn đồng/ 1 con). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Thị L phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014335 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Anh Điểu U phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Quốc Thành